

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện Chương trình 135 và một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Bình Phước

Thực hiện Quyết định số 366/QĐ-TTr ngày 22/8/2022 của Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc về việc thanh tra thực hiện Chương trình 135 và một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Bình Phước, Đoàn Thanh tra tiến hành thanh tra đợt I từ ngày 05/9 đến ngày 21/9/2022, đợt II từ ngày 19/10 đến ngày 28/10/2022 tại các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập; các sở, ngành liên quan của tỉnh, xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 15/12/2022 của Đoàn thanh tra, Thanh tra Ủy ban Dân tộc kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Bình Phước là tỉnh miền núi thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên là 6.877,76 km², nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và nước bạn Campuchia có đường biên giới dài 258,939 km; có 07 huyện, 03 thị xã và 01 thành phố với 111 xã, phường, thị trấn, trong đó có 15 xã biên giới. Dân số toàn tỉnh 1.011.076 người; có 40 dân tộc thiểu số (DTTS) với 198.884 người, chiếm 19,67% dân số toàn tỉnh chủ yếu là người dân tộc S'tiêng (49,4% dân số trong đồng bào DTTS) tập trung sinh sống ở địa bàn miền núi, biên giới, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Đầu năm 2016, tỉnh có 14.627 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,15%, trong đó có 6.940 hộ DTTS nghèo, chiếm tỷ lệ 15,3% trên tổng số hộ DTTS. Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 1.190 hộ nghèo, trong đó 516 hộ nghèo là người DTTS, chiếm tỷ lệ 1,13% trên tổng số hộ DTTS.

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, kết quả hộ nghèo sau rà soát đầu năm 2022 tăng: Toàn tỉnh có 4.870 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,76% trong đó hộ nghèo DTTS là 2.820 hộ, chiếm tỷ lệ 6,14% trên tổng số hộ DTTS; có 3.710 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,34%.

- *Giai đoạn 2016-2020:* Tỉnh có 10 xã, 51 thôn ĐBKK, có 28 xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã An toàn khu giai đoạn 2017-2020 và Quyết

định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn ĐBKK.

- *Giai đoạn 2021-2025:* Tỉnh Bình Phước có 05 xã khu vực III, 03 xã khu vực II, 50 xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN; có 46 thôn ĐBKK theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025.

- Tỉnh Bình Phước có 15 xã biên giới thuộc 03 huyện:

+ Các xã: Lộc Thành, Lộc Thịnh, Lộc Thiện, Lộc Tân, Lộc Thạnh, Lộc Hòa và Lộc An thuộc huyện Lộc Ninh;

+ Các xã: Tân Thành, Thanh Hòa, Hưng Phước, Phước Thiện, Thiện Hưng và Tân Tiến thuộc huyện Bù Đốp;

+ Xã Bù Gia Mập và xã Đắc O thuộc huyện Bù Gia Mập.

- Theo Quyết định số 421/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu (ATK) và vùng ATK thuộc tỉnh Bình Phước, tỉnh có 06 xã ATK, gồm: Lộc Tân, Lộc Thành, Lộc Hiệp, Lộc Quang, Lộc Thuận và thị trấn Lộc Ninh; huyện Lộc Ninh là vùng ATK của Trung ương Cục đặt tại tỉnh Bình Phước thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Dự án 2 - Chương trình 135

1. Công tác quản lý điều hành

Việc ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn, phân cấp quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 của cơ quan có thẩm quyền:

- UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; quy định về cơ chế quản lý thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; ban hành quy định về áp dụng Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (viết tắt là Nghị định số 161/2016/NĐ-CP); các sở, ngành đã

tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, phân cấp quản lý, phê duyệt thiết kế điển hình đối với các công trình do UBND các xã làm Chủ đầu tư.¹

- UBND cấp huyện, xã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; UBND cấp xã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia, Ban Quản lý các dự án; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ Giám sát đầu tư cộng đồng; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu Dự án 3, hướng dẫn thực hiện Chương trình 135².

- HĐND tỉnh Bình Phước ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù đẩy mạnh giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018-2020, trong đó có chính sách hỗ trợ xăng xe đi lại và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho NCUT và quy định chính sách hỗ trợ đặc thù NCUT, già làng tiêu biểu trong đồng bào DTTS và sinh viên người DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Phước³.

- Hàng năm, Ban Dân tộc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quyết định phân bổ vốn theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 01/2017/TT-UBDT ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện dự án 2 (Chương trình 135) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (viết tắt là Thông tư số 01/2017/TT-UBDT).

Qua xem xét, giai đoạn 2016-2020, HĐND, UBND tỉnh Bình Phước không ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn sau:

- Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung

¹ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước. Công văn số 579/UBND-VX ngày 02/3/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình 135 trong năm 2017; Hướng dẫn số 174/HD-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

² Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 -2020; Quyết định số 1059/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 05/5/2017 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Bình Phước và Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ đạo (BCĐ) và Tổ chuyên viên giúp việc BCĐ Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Bình Phước.

³ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 và Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh.

ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết quy định về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC;

- Văn bản hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình theo quy định tại khoản 4, Điều 7 Thông tư số 01/2017/TT-UBDT.

2. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

- Kế hoạch vốn ngân sách trung ương từ năm 2019-2020 là 56.907,0 triệu đồng (tr.đ), trong đó: Vốn đầu tư phát triển 42.148,0 tr.đ, vốn sự nghiệp 14.759,0 tr.đ); thực hiện giải ngân 53.430,0 tr.đ, vốn chưa giải ngân dư tại ngân sách các huyện 2.335,0 tr.đ, huỷ dự toán 1.142,0 tr.đ.

(Phụ lục số 01 kèm theo)

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh Bình Phước không bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để chi hoạt động của Ban Chỉ đạo và quản lý Chương trình 135 của các cấp, ngành.

3. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng

- Giai đoạn 2016-2020, UBND các xã làm Chủ đầu tư Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT), duy tu bảo dưỡng công trình; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng (QLDAĐTXD) các huyện làm chủ đầu tư một số dự án; nhận ủy thác quản lý đối với một số dự án xây dựng do UBND các xã làm Chủ đầu tư.

- Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương từ năm 2019-2020 là 42.148,0 tr.đ, giải ngân 39.813,0 tr.đ, đạt 94% kế hoạch vốn, số vốn còn lại chưa giải ngân 2.335,0 tr.đ dư tại ngân sách các huyện. Từ năm 2019 đến năm 2020, tổng số có 58 công trình xây dựng mới, sửa chữa, bao gồm: 36 công trình giao thông, 08 công trình điện, 03 công trình thủy lợi, 06 trường lớp học và 05 công trình khác với tổng mức đầu tư được phê duyệt 134.048,0 tr.đ (ngân sách Trung ương 42.148,0 tr.đ, ngân sách tỉnh 91.900,0 tr.đ) giá trị quyết toán 129.241,0 tr.đ.

- Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra đối với 21 công trình xây dựng do UBND các xã thuộc 03 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập làm Chủ đầu tư. Qua kiểm tra, tính lại khối lượng, đơn giá theo thực tế thi công phát hiện vi phạm, yêu cầu giảm trừ thanh quyết toán, thu hồi nộp ngân sách nhà nước 96,420 tr.đ.

(Phụ lục số 02 kèm theo)

- Từ năm 2019-2020, địa phương đã bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh và ngân sách các huyện 91.900,0 tr.đ (ngân sách các huyện Lộc Ninh, Bù

Đôp và Bù Gia Mập 12.470,0 tr.đ) để tập trung đầu tư hoàn thiện CSHT thiết yếu tại các xã, thôn, ấp theo mục tiêu của Chương trình.

- Giai đoạn chuẩn bị dự án: Chủ đầu tư đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về công tác chuẩn bị đầu tư lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, UBND cấp huyện phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, quyết định đầu tư, rà soát và điều chỉnh tổng mức đầu tư.

- Giai đoạn thực hiện dự án: Công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng, khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng tư vấn và xây lắp với các nhà thầu được Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định.

- Giai đoạn kết thúc dự án: UBND các xã, phòng, ban chuyên môn các huyện đã thực hiện kịp thời về công tác nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ; tiến hành bàn giao công trình đưa vào quản lý khai thác, sử dụng; thực hiện chế độ bảo hành.

- Hạn chế, tồn tại:

+ Công tác lập, thẩm định dự toán, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, thanh quyết toán của một số Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan còn thiếu chặt chẽ dẫn đến có công việc, hạng mục công trình làm thiếu khối lượng so với thiết kế, dự toán được phê duyệt và kết quả nghiệm thu;

- Các dự án do UBND các xã làm chủ đầu tư đều là dự án nhóm C quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản được thanh tra không có dự án nào áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định của Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và quy định của UBND tỉnh Bình Phước;

- Đến thời điểm thanh tra, UBND các xã thuộc 03 huyện còn nợ các đơn vị tham gia xây dựng công trình và các chi phí khác 958,406 tr.đ, có 16/21 công trình được kiểm tra chưa được phê duyệt dự án hoàn thành theo quy định, trong đó:

+ Huyện Lộc Ninh: Chưa thanh toán 369,533 tr.đ, có 07/08 công trình chưa được phê duyệt quyết toán;

+ Huyện Bù Đốp: Chưa thanh toán 394,489 tr.đ, có 07/08 công trình chưa được phê duyệt quyết toán;

+ Huyện Bù Gia Mập: Chưa thanh toán cho các đơn vị tham gia xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Cây Xăng Ông Chu đến thôn Bù Nga, xã Bù Gia Mập với giá trị là 194,384 tr.đ, có 02/05 dự án chưa được phê duyệt quyết toán hoàn thành.

4. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Từ năm 2019-2020, Ban Dân tộc tỉnh làm Chủ đầu tư Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (PTSX), đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (NRMHGN).

- Ban Dân tộc được giao 10.273 tr.đ, thực hiện giải ngân và quyết toán 10.198,0 tr.đ, hủy dự toán 75,0 tr.đ. đã thực hiện các dự án gồm các nội dung sau:

a) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

Từ năm 2019-2020, Ban Dân tộc được giao 8.218,0 tr.đ, thực hiện giải ngân và quyết toán 8.195,0 tr.đ, hủy dự toán 23,0 tr.đ. Đã thực hiện hỗ trợ 459 lượt hộ nghèo, bao gồm: Mua và cấp phát 360 con bò cái giống sinh sản, 120 con dê giống lai bách thảo hỗ trợ cho 365 hộ; mua 188 máy cắt cỏ, bình xạ phân hỗ trợ cho 94 hộ.

b) Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

Ban Dân tộc tỉnh thực hiện 06 mô hình chăn nuôi bò sinh sản hỗ trợ cho 81 hộ nghèo, kinh phí thực hiện 2.055,0 tr.đ.

- Năm 2019: Thực hiện 03 mô hình “Chăn nuôi bò sinh sản” cấp 48 con bò cái giống cho 48 hộ nghèo tại 04 xã Đắk O, Bù Gia Mập, Thanh Hòa, huyện Bù Đốp và xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh. Kinh phí thực hiện 1.240,2 tr.đ (vốn ngân sách nhà nước 999,0 tr.đ, vốn đối ứng của các hộ tham gia mô hình 235,2 tr.đ, ngân sách xã Lộc Thành 6,0 tr.đ).

- Năm 2020: Thực hiện 03 mô hình cấp 33 con bò giống lai sinh đang mang thai (11 con bò/mô hình) cho 33 hộ nghèo tại 03 xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp; xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh và xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập với tổng kinh phí 1.223,7 tr.đ (vốn Chương trình 135 là 1.056,0 tr.đ, vốn đối ứng của các hộ tham gia mô hình 161,7 tr.đ, ngân sách xã 6,0 tr.đ).

c) Kiểm tra, xác minh việc thực hiện dự án tại các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập do Ban Dân tộc làm Chủ đầu tư

- Huyện Lộc Ninh: Từ năm 2019-2020, các dự án hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo đã hỗ trợ trực tiếp 102 con bò cái giống sinh sản cho 102 hộ thuộc đối tượng thụ hưởng (năm 2019 là 52 hộ, năm 2020 là 50 hộ) và 32 con Dê giống. Kiểm tra, xác minh hiệu quả sau đầu tư đối với một số dự án hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế tại các xã Lộc Quang, Lộc Phú, Lộc Thành và Lộc Khánh, thấy: Đến thời điểm thanh tra, các dự án hỗ trợ giống bò cái sinh sản và Dê giống cơ bản phát triển tốt, phù hợp với nhu cầu, điều kiện của các hộ; nhiều hộ dân đã bán con giống, không mua con giống khác thay thế hoặc chuyển sang nuôi dê.

- Huyện Bù Đốp: Từ năm 2019-2020, các dự án hỗ trợ trực tiếp 82 con bò cái giống sinh sản cho 82 hộ (năm 2019 là 48 hộ, năm 2020 là 34 hộ) và 42 con dê

giống. Kiểm tra, xác minh tại các hộ thuộc một số thôn, áp tại 04 xã Tân Tiến, Phước Thiện, Hưng Phước và Thanh Hòa cho thấy:

+ Việc hỗ trợ đúng nội dung, đối tượng; đến thời điểm kiểm tra, giống bò cái sinh sản và giống đê phát triển tốt, nhiều con đã sinh sản, không có con giống bị chết.

+ Dự án NRMHGN thực hiện tại xã Thanh Hòa và xã Phước Thiện có nội dung, phương thức, đối tượng tham gia dự án giống như dự án PTSX, đa dạng hóa sinh kế, không đáp ứng được yêu cầu, điều kiện của việc xây dựng và thực hiện Dự án NRMHGN theo quy định của Thông tư số 15/2017/TT-BTC và Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và dự án NRMHGN thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (viết tắt là Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT).

- Huyện Bù Gia Mập: Từ năm 2019-2020, các dự án hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế đã hỗ trợ trực tiếp 86 con bò cái giống sinh sản, 33 con đê giống lai Bách Thảo, 22 máy phun thuốc cho 119 hộ; triển khai 03 dự án NRMHGN hỗ trợ 34 con bò cái giống sinh sản cho 34 hộ dân tại các xã Đăk O, Phú Văn và Bù Gia Mập. Kiểm tra, xác minh hiệu quả sau đầu tư tại các hộ dân thuộc một số thôn, áp trên địa bàn 04 xã Phú Văn, Đăk O, Bù Gia Mập, Phước Minh về thực hiện dự án hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và dự án NRMHGN cho thấy: Việc hỗ trợ đúng nội dung, đối tượng; đến thời điểm kiểm tra, giống bò cái sinh sản và giống đê phát triển tốt, nhiều con đã sinh sản, không có con giống bị chết.

d) Đánh giá chung

- Kết quả đạt được: Nội dung hỗ trợ cơ bản phù hợp với nhu cầu và điều kiện sản xuất của các hộ dân; thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; việc hỗ trợ đúng đối tượng, định mức theo quy định và quyết định phê duyệt dự án. Các dự án chăn nuôi bò cái giống sinh sản, giống đê lai Bách Thảo phù hợp với nhu cầu, điều kiện của các hộ và đạt hiệu quả, nhiều bò cái đã sinh sản từ 1 đến 2 con; các hộ dân tham gia dự án NRMHGN đều có vốn đối ứng để làm chuồng trại và được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi.

- Tồn tại, hạn chế:

+ Giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh Bình Phước không ban hành văn bản quy định định mức hỗ trợ đối với hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo làm cơ sở hỗ trợ và cơ chế thu hồi, luân chuyển kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ tham gia dự án

theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC⁴ và Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT.

+ Các dự án hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và NRMHGN đều có quy mô cấp xã, thôn nhưng UBND tỉnh Bình Phước giao Ban Dân tộc tỉnh làm chủ đầu tư là không phù hợp với Điều 6 và Điều 9 Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT quy định: “Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo có quy mô cấp xã, thôn, bản do UBND cấp xã làm chủ đầu tư”.

5. Duy tu, bảo dưỡng công trình

- Từ năm 2018-2020, Ban Dân tộc làm Chủ đầu tư thực hiện 03 dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 03 công trình với tổng mức đầu tư 4.145,0 tr.đ, giá trị nghiệm thu thanh toán công trình hoàn thành 4.074,0 tr.đ. Đến thời điểm thanh tra, 03 dự án nói trên chưa được quyết toán hoàn thành.

- Từ năm 2019-2020, Ban Dân tộc tỉnh được giao 2.832,0 tr.đ, đã lập hồ sơ nâng cấp, sửa chữa lớn đối với 02 công trình: Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn 6, xã Đường 10 và nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn Đăk Lang, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng thực hiện giải ngân 2.813,0 tr.đ, hủy dự toán 19,0 tr.đ. Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra thực tế khối lượng thi công tại hiện trường công trình (*chi tiết tại Biểu số 02*) cho thấy:

+ Việc UBND tỉnh Bình Phước giao dự toán kinh phí cho Ban Dân tộc tỉnh làm chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đối với một số công trình là không phù hợp với quy định của điểm b, khoản 3, Điều 7 Thông tư số 01/2017/TT-UBDT và Thông tư số 15/2017/TT-BTC;

+ Đến thời điểm thanh tra, 02 công trình được nâng cấp, cải tạo chưa được quyết toán dự án hoàn thành theo quy định, chưa được Sở Giao thông vận tải kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

6. Dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cơ sở

Dự toán kinh phí UBND tỉnh giao Ban Dân tộc từ năm 2019-2020 là 1.654 tr.đ, sử dụng và quyết toán 1.037 tr.đ, hủy dự toán 617,0 tr.đ. Ban Dân tộc tỉnh ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Pro Phương Nam, Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và phát triển nhân lực vùng dân tộc và miền núi thuộc Học viện Dân tộc để tổ chức 08 lớp tập huấn cho 994 lượt người là đại diện cộng đồng và cán bộ cơ sở.

- Năm 2019: Tổ chức 03 lớp/03 cụm với 375 học viên là cán bộ cơ sở và đại

⁴ Điểm a, khoản 1, Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC quy định “...Đối với các dự án do địa phương thực hiện: UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tính chất của từng dự án, mô hình và khả năng ngân sách của địa phương và chế độ, định mức chi tiêu hiện hành”

diện cộng đồng (325 đại diện cộng đồng và cán bộ không hưởng lương, 50 cán bộ cơ sở), tổ chức 01 đoàn học tập kinh nghiệm gồm 30 người là cán bộ cơ sở và đại diện cộng đồng).

- Năm 2020: Tổ chức 05 lớp với 619 học viên là cán bộ Dân tộc - Tôn giáo xã và đại diện cộng đồng thôn, ấp và tổ chức 01 đoàn học tập kinh nghiệm gồm 30 người là cán bộ cơ sở và đại diện cộng đồng.

Kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy:

- Kết quả đạt được:

+ Hàng năm, Ban Dân tộc tỉnh tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với UBND các huyện khảo sát, đăng ký nhu cầu tập huấn đảm bảo đúng đối tượng và nội dung theo yêu cầu. Nội dung, đối tượng và thời gian tập huấn theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2017/TT-UBDT.

+ Việc lập, thẩm định kế hoạch và dự toán áp dụng chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo Thông tư số 36/2016/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước và văn bản khác có liên quan. Các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng tổ chức theo cụm xã và trung tâm các huyện thuận lợi việc đi lại và giảm tối đa chi phí của học viên.

- Hạn chế, tồn tại: Ban Dân tộc tỉnh không tham mưu cho UBND tỉnh Bình Phước ban hành Chương trình khung nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại mục 3, Chương II, Thông tư số 01/2017/TT-UBDT.

II. Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 về việc phê duyệt Đề án “Thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 thay thế Quyết định số 2333/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2019-2020”.

- Phòng Dân tộc, Phòng Dân tộc-Tôn giáo các huyện chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị thực hiện công tác rà soát, tổng hợp, đề xuất xây dựng Đề án, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện chính sách, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình thuộc đối tượng thụ hưởng.

- Ngân hàng CSXH tỉnh, huyện tham mưu về xây dựng kế hoạch, thực hiện Chương trình cho vay tín dụng chính sách theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện chính sách 249.528,0 tr.đ, trong đó:

+ Ngân sách trung ương 145.228,0 tr.đ (hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho 4.384 hộ: 14.228,0 tr.đ; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư cho hộ DTTS còn du canh, du cư: 131.000,0 tr.đ);

+ Vốn tín dụng chính sách xã hội 104.300,0 tr.đ.

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương từ năm 2019-2020 là 67.931 tr.đ, đạt tỉ lệ 46,77% so với nhu cầu của Đề án (sắp xếp ổn định dân cư cho hộ đồng bào DTTS số còn du canh, du cư: 65.772,5 tr.đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán: 2.158,5 tr.đ); sử dụng và quyết toán 67.833,5 tr.đ. Đến thời điểm thanh tra, vốn sự nghiệp dư tại ngân sách huyện Bù Gia Mập 23,0 tr.đ và huyện Bù Đốp 74,5 tr.đ, hết nhiệm vụ chi chưa hoàn trả ngân sách tỉnh.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán:

+ Phòng Dân tộc, Phòng Dân tộc-Tôn giáo các huyện sử dụng và quyết toán 2.061,0 tr.đ thực hiện hỗ trợ trực tiếp về chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán cho 785 hộ trên toàn tỉnh, kinh phí dư tại ngân sách các huyện 97,5 tr.đ;

+ Phòng Dân tộc huyện Bù Đốp sử dụng và quyết toán 814,0 tr.đ hỗ trợ trực tiếp cho 314 hộ (chuyển đổi nghề cho 98 hộ theo định mức 5,0 tr.đ/hộ, nước sinh hoạt phân tán cho 216 hộ theo định mức 1,5 tr.đ/hộ).

+ Phòng Dân tộc - Tôn giáo huyện Bù Gia Mập sử dụng và quyết toán 1.247,0 tr.đ hỗ trợ trực tiếp cho 471 hộ (chuyển đổi nghề cho 161 hộ, định mức 5,0 tr.đ/hộ, nước sinh hoạt phân tán cho 310 hộ, định mức 1,5 tr.đ/hộ).

- Bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho hộ đồng bào DTTS còn du canh, du cư:

+ Năm 2020, UBND huyện Lộc Ninh giao Ban QLĐTXD huyện làm Chủ đầu tư xây dựng 02 công trình: Đường giao thông ấp Tà Tê, xã Lộc Thành chiều dài 6,8 km, tổng mức đầu tư 39.500,0 tr.đ và đường giao thông xã Lộc Hòa chiều dài 9,9 km với tổng mức đầu tư 55.000,0 tr.đ. Công trình xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa đã có biên bản kiểm toán chi tiết ngày 20/7/2022 của Kiểm toán Nhà nước.

- Kiểm tra việc quản lý đầu tư xây dựng đối với công trình đường giao thông ấp Tà Tê điểm định canh, định cư (ĐCDC) Tà Tê, xã Lộc Thành:

+ Tổng mức đầu tư được phê duyệt: 39.500,0 tr.đ (ngân sách trung ương: 36.000,0 tr.đ, ngân sách huyện: 3.500,0 tr.đ), giá trị nghiệm thu khối lượng hoàn thành 38.325,0 tr.đ, đến ngày 15/9/2022 đã thanh toán 35.999,0 tr.đ; công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 28/7/2021.

+ Công văn số 06/HĐND ngày 23/4/2020 của HĐND huyện Lộc Ninh về việc thống nhất quyết định chủ trương đầu tư dự án trong đó tổng mức đầu tư được phê duyệt là 39.500,0 tr.đ thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách huyện. Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình đường giao thông cấp IV, dự án nhóm C, thời gian thực hiện từ năm 2020-2022;

+ Việc phê duyệt chủ trương đầu tư; khảo sát, lập và trình phê duyệt dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Hồ sơ dự án được lập, thẩm định và phê duyệt bảo đảm về trình tự, thủ tục;

+ Công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công theo quy định của nhà nước về xây dựng cơ bản:

+ Việc lập và điều chỉnh dự toán của đơn vị tư vấn là Công ty TNHH một thành viên xây dựng Nam Phước được Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước thẩm định dự toán còn sai sót về khối lượng và chi phí của hạng mục công việc trộn đá tại bãi trữ vật liệu. Qua thanh tra, tính lại đơn giá, định mức theo quy định, xác định Chủ đầu tư đã thanh toán thừa cho nhà thầu xây lắp, kiến nghị giảm trừ hạng mục công việc trộn đá tại bãi trữ vật liệu, máy đào $\leq 1,25 \text{ m}^3$ với giá trị là 287,335,0 tr.đ (*chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo*);

+ Đến thời điểm thanh tra, dự án đầu tư xây dựng công trình đường giao thông áp Tà Tê, tại điểm ĐCĐC Tà Tê, xã Lộc Thành chưa được phê duyệt quyết toán hoàn thành theo quy định; Chủ đầu tư chưa thanh toán hết cho nhà thầu xây lắp, tư vấn và các đơn vị khác với tổng số tiền là 2.325,0 tr.đ;

+ Đoạn rãnh dọc thoát nước cuối tuyến tiếp giáp với đường tuần tra biên giới bị đất đá bồi lấp, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước nhưng chưa được khắc phục.

2. Vốn tín dụng chính sách

- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh Bình Phước được giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng từ năm 2018-2020 là 14.551,0 tr.đ, đạt tỉ lệ 13,9% so với nhu cầu của Đề án. Thực hiện giải ngân cho 450 lượt hộ vay vốn để chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất là 16.372,0 tr.đ, đạt tỷ lệ 112,5 % so với kế hoạch giao (giai đoạn 2018-2020, một số hộ trả trước hạn, tiếp tục cho hộ khác vay quay vòng và chuyển dư nợ các hộ đã vay vốn chương trình tín dụng khác theo văn bản số 6580/NHCS-TDNN ngày 04/12/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng CSXH Việt Nam). Doanh số cho vay vốn tín dụng chính sách đạt tỷ lệ 15,7% so với nhu cầu của đề án.

- Kết quả kiểm tra, xác minh tại 03 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập từ năm 2018 đến năm 2020:

+ Huyện Lộc Ninh: Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Lộc Ninh được giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn tín dụng 5.417,0 tr.đ, đạt tỷ lệ 31,5 % so với nhu cầu của Đề án; đã giải ngân 5.417,0 tr.đ cho 415 lượt hộ DTTS nghèo, hộ nghèo vay vốn để đầu tư trồng các loại cây tiêu, cao su, mua giống trâu, bò, dê. Dư nợ bình quân qua các năm 37,3 tr.đ/hộ. Đến thời điểm 31/08/2022, tổng số còn 57 hộ vay với tổng dư nợ 2.587 tr.đ. Số hộ chuyển từ vay vốn chương trình khác sang cho vay chương trình theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg để được hưởng lãi suất thấp hơn là 14 hộ với tổng dư nợ được chuyển là 405,0 tr.đ;

+ Huyện Bù Đốp: Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Bù Đốp được giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn tín dụng 3.225,0 tr.đ, đã giải ngân 3.225,0 tr.đ, cho 91 lượt hộ DTTS nghèo, hộ nghèo vay vốn để trồng các loại cây tiêu, cao su, mua con giống trâu, bò, dê. Dư nợ bình quân qua các năm 35,4 tr.đ/hộ. Đến thời điểm 13/09/2022, tổng số còn 59 khoản vay với tổng dư nợ 2.354,0 tr.đ. Số hộ chuyển từ vay vốn chương trình khác sang cho vay chương trình theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg để được hưởng lãi suất thấp hơn là 06 hộ với tổng dư nợ được chuyển là 105,0 tr.đ;

+ Huyện Bù Gia Mập: Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Bù Gia Mập được giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn tín dụng 1.950,0 tr.đ, đạt tỷ lệ 3,67% so với nhu cầu của Đề án. Thực hiện giải ngân 2.075,0 tr.đ cho 69 lượt hộ vay, đạt tỷ lệ 106% so kế hoạch vốn giao; dư nợ bình quân qua các năm là 36,8 tr.đ/hộ, đến thời điểm 19/09/2022 tổng số còn 27 hộ với 34 khoản vay với tổng dư nợ 1.043,0 tr.đ. Tổng số hộ chuyển từ vay vốn chương trình khác sang cho vay chương trình theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg để được hưởng lãi suất thấp hơn là 11 hộ với tổng dư nợ được chuyển là 380,0 tr.đ.

3. Đánh giá chung

- Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng Đề án; tham mưu cho UBND tỉnh và trực tiếp ban hành một số văn bản hướng dẫn UBND các huyện thực hiện các nội dung của Đề án. Các chủ đầu tư thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân về nước sinh hoạt phân tán, chuyển đổi nghề và đầu tư CSHT tại điểm DCDC. Chi nhánh ngân hàng CSXH tỉnh, huyện đã phối hợp với các hội đoàn thể tổ chức triển khai các văn bản nghiệp vụ mới liên quan đến công tác ủy thác cho vay đến các hộ dân, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách về tín dụng ưu đãi của đảng, nhà nước đến người dân.

- Bên cạnh kết quả đạt được còn tồn tại, hạn chế, bất cập như sau:

+ Đề án được phê duyệt từ năm 2017 nhưng đến năm 2019-2020 địa phương mới được trung ương phân bổ vốn, chiếm tỷ lệ thấp so nhu cầu Đề án. Đối tượng, nội dung, nhu cầu hỗ trợ có sự biến động do các hộ đã thoát nghèo, thay đổi nhu cầu hoặc

hưởng các chính sách khác không còn là đối tượng thụ hưởng, vì vậy số hộ thuộc diện được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và vay vốn tín dụng chính sách giảm;

+ Chỉ tiêu kế hoạch vốn tín dụng chính sách giao cả giai đoạn đạt tỷ lệ thấp (15,7%) so với nhu cầu của Đề án;

+ Định mức hỗ trợ thấp: 1,5 tr.đ/hộ không đủ đáp ứng yêu cầu cho các hộ đào giếng hoặc xây bể, chỉ mua lu, tèc chứa nước dẫn đến không thể giải quyết dứt điểm về tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho các hộ; mức hỗ trợ 5,0 tr.đ/hộ để chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc làm dịch vụ, trồng rừng... để phù hợp với nhu cầu của các hộ dân khó thực hiện, không phát huy hiệu quả;

+ Nội dung hỗ trợ đất ở, đất sản xuất không thực hiện được: Việc chuyển nhượng đất phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai; địa phương không còn quỹ đất để giao đất ở và đất sản xuất, định mức hỗ trợ thấp nên địa phương phải chuyển sang thực hiện hỗ trợ con giống, cây giống.

III. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg

- Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách đối với người có uy tín (NCUT) trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn UBND các huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác rà soát, đánh giá, lựa chọn, bình xét; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định xét công nhận NCUT; bổ sung, thay thế NCUT theo quy định⁵. NCUT của tỉnh năm 2019 là 373 người, năm 2020 là 368 người.

- Giai đoạn 2018-2022, Ban Dân tộc tỉnh đã lập dự toán kinh phí, tỉnh đã tổng hợp vào kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội hàng năm báo cáo Bộ Tài chính. Hằng năm, UBND tỉnh Bình Phước giao dự toán kinh phí cho Ban Dân tộc và UBND từ nguồn ngân sách tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu việc thực hiện các nội dung của chính sách.

- Dự toán kinh phí giao thực hiện chính sách từ năm 2019-2020 là 6.647,5 tr.đ, sử dụng và quyết toán 5.056,7 tr.đ, hủy dự toán 1.590,8 tr.đ.

(Phụ lục số 01 kèm theo)

1. Việc thực hiện chính sách của Ban Dân tộc tỉnh

- Kinh phí được giao từ năm 2019-2020 là 2.100,0 tr.đ, sử dụng và quyết toán là 1.914,0 tr.đ. Ban Dân tộc tỉnh ký hợp đồng với Báo Bình Phước số lượng 485 kỳ/178.559 tờ, Báo Dân tộc và Phát triển với số lượng 202 kỳ/75.121 tờ để cấp cho

⁵ Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2022; Thông báo số 01/TB-BDT ngày 26/02/2020 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước.

741 lượt NCUT; tổ chức 02 cuộc thăm quan, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh, tiếp đón 16 đoàn NCUT ngoài tỉnh đến học tập kinh nghiệm tại địa phương; thăm hỏi, động viên 01 NCUT ốm đau, 01 NCUT qua đời.

- Từ năm 2019-2021, việc lập và giao dự toán ngân sách chưa bảo đảm về kinh phí để thực hiện cấp các loại báo cho NCUT, Ban Dân tộc tỉnh ký hợp đồng đặt mua báo với Bưu điện tỉnh Báo Dân tộc & Phát triển và báo Bình Phước chỉ có giá trị tiền mua báo, không có cước phí vận chuyển, cước phát hành do Bưu điện tỉnh tự hạch toán chi phí.

Đến tháng 12/2021, UBND tỉnh giao Đài phát thanh và truyền hình tỉnh thực hiện cấp báo cho NCUT, tỉnh đã bố trí kinh phí để thanh toán cước phí vận chuyển cho Bưu điện tỉnh.

2. Kiểm tra xác minh tại các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập

- UBND các huyện, xã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về việc bình chọn, công nhận, đưa ra khỏi danh sách và bổ sung NCUT.

- Kinh phí tỉnh giao các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập từ năm 2019-2020 đã sử dụng và quyết toán 350,259 tr.đ, cơ bản nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh, huyện đáp ứng nhu cầu thực hiện các nội dung của chính sách. Phòng Dân tộc, Phòng Dân tộc-Tôn giáo các huyện thực hiện các nội dung: Thăm hỏi NCUT ốm đau, tặng quà Tết Nguyên đán, thăm hỏi gia đình NCUT gặp khó khăn, thăm viếng thân nhân và NCUT qua đời, tổ chức các hội nghị cung cấp thông tin.

- Làm việc với NCUT tại 12 xã của 03 huyện đều xác nhận được nhận quà Tết Nguyên Đán bằng tiền mặt, hiện vật và các khoản hỗ trợ khác theo chế độ, định mức; hồ sơ, tài liệu, chứng từ được thiết lập và lưu giữ đầy đủ.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời việc hỗ trợ tiền xăng xe đi lại theo mức 149.000đ/tháng và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho NCUT.

- Một số hạn chế, tồn tại:

+ Nội dung trong hợp đồng giữa Ban Dân tộc và Bưu điện tỉnh ghi phát báo đến địa chỉ NCUT nhưng Bưu điện tỉnh lập danh sách phát báo ghi địa chỉ phát báo đến NCUT tại các thôn, ấp, trường thôn hoặc cán bộ công chức xã;

+ Việc chuyển phát báo do nhân viên bưu điện hoặc cán bộ, công chức xã thực hiện tại điểm Bưu điện văn hóa xã, trụ sở UBND xã hoặc nhà riêng của NCUT còn chưa kịp thời, đầy đủ; phần lớn NCUT phản ánh nhận các loại báo từ 01 (một) đến 02 (hai) lần/tháng; công tác kiểm tra của Ban Dân tộc và cơ quan liên quan còn hạn chế, chưa có các biện pháp khắc phục việc chậm cung cấp phát báo;

+ Trường hợp NCUT thôn Bù Tam, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập được bổ sung năm 2021 thay thế 01 NCUT qua đời nhưng đến thời điểm thanh tra danh

sách cấp phát các ấn phẩm báo, tạp chí tại Bưu điện tỉnh vẫn chưa được cập nhật để cấp báo cho NCUT mới được công nhận.

3. Kiến nghị của UBND tỉnh Bình Phước về thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Kiến nghị của UBND tỉnh Bình Phước về thủ tục hành chính công nhận, đưa ra khỏi danh sách NCUT theo quy định của Ủy ban Dân tộc còn bất cập, qua xem xét thấy: Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban Dân tộc quy định có 02 thủ tục hành chính về công nhận, đưa ra khỏi danh sách NCUT được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công từ cấp tỉnh đến cấp xã - mức độ 3 còn khó khăn, bất cập do chưa được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; phải cử người nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, huyện trong điều kiện biên chế của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện còn hạn chế; quy định thời hạn giải quyết 05 ngày làm việc nhưng không có thời điểm nộp hồ sơ, trong khi đó tỉnh chỉ đạo các thủ tục hành chính phải rút gọn nên gấp nhiều khó khăn đến thực hiện các trình tự, thủ tục rà soát, kiểm tra, xác minh, ban hành quyết định theo đúng thời hạn quy định. Hằng năm, Ban Dân tộc, phòng Dân tộc, phòng Dân tộc - Tôn giáo các huyện bị trừ 10 điểm do không phát sinh hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công, Ban Dân tộc được xếp hạng cuối trong các cơ quan, đơn vị thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thanh tra, Thanh tra Ủy ban Dân tộc kết luận thanh tra như sau:

I. Kết luận

Tỉnh Bình Phước ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình, chính sách, Đề án trên địa bàn tỉnh theo đúng nhiệm vụ và mục tiêu, đạt hiệu quả về kinh tế và xã hội, từng bước ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở các xã, thôn ĐBKK, vùng đồng bào DTTS&MN góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

1. Về thực hiện Chương trình 135

a) Ưu điểm, kết quả

- UBND tỉnh Bình Phước ban hành các văn bản hướng dẫn, thực hiện phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình, chính sách, Đề án. HĐND tỉnh Bình Phước ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù đẩy mạnh giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS, từ năm 2019 mỗi năm thực hiện giảm 1000 hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Địa phương đã bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh, huyện để đầu tư CSHT, nguồn vốn được phân bổ kịp thời, quản lý sử dụng đúng mục đích, góp phần từng

bước hoàn thiện CSHT thiết yếu tại các xã, thôn ĐBKK theo đúng nội dung, mục tiêu của Chương trình.

- Thực hiện dự án hỗ trợ PTSX gắn với chương trình phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp với các ngành nghề khác góp phần chuyển dịch cơ cấu giống, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn, từng bước tạo chuyển biến về nhận thức, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Dự án nâng cao năng lực góp phần trang bị, bổ sung kiến thức cho cộng đồng và cán bộ cơ sở về kỹ năng phát triển, xây dựng kế hoạch, quản lý điều hành các dự án.

b) Hạn chế, tồn tại,

- Việc ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn của UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Chương trình 135 chưa đầy đủ theo yêu cầu.

- Việc Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh giao kinh phí hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và dự án NRMHGN và duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư Chương trình 135 cho Ban Dân tộc tỉnh làm Chủ đầu tư là không phù hợp theo quy định tại Điều 6, Điều 9 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT và khoản 3, Điều 7 Thông tư số 01/2017/TT-UBDT.

- Về đầu tư cơ sở hạ tầng: UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định áp dụng cơ chế đặc thù theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP đối với dự án nhóm C quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản, qua thanh tra tại các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập không có dự án nào áp dụng cơ chế đặc thù. Quá trình quản lý dự án, các Chủ đầu tư, một số đơn vị tư vấn, cơ quan quản lý, nhà thầu xây lắp còn một số hạn chế, thiếu sót trong công tác lập dự toán, thẩm định, giám sát, nghiệm thu và thanh quyết toán khối lượng hoàn thành đối với một số công việc, hạng mục công trình. Việc quyết toán một số dự án hoàn thành còn chậm so với quy định.

- Kết quả công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thực hiện chính sách, chương trình, dự án của các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện và UBND cấp xã còn hạn chế.

- Ban QLDAĐTxD các huyện, nhà thầu xây lắp chưa thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng trong công tác giám sát, kiểm tra chất lượng công trình, bảo dưỡng, nghiệm thu và thanh quyết toán khối lượng hoàn thành đối với các một số hạng mục công trình.

2. Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

a) Ưu điểm, kết quả

UBND tỉnh Bình Phước đã chỉ đạo các sở, ngành xây dựng đề án, sử dụng nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng CSXH giải quyết

một phần những khó khăn về đời sống, sản xuất, từng bước cải thiện và nâng cao điều kiện sống cho hộ DTTS nghèo, hộ nghèo ở vùng ĐBKK.

b) Hạn chế, tồn tại

Đề án được phê duyệt từ năm 2017, đến năm 2020 tỉnh Bình Phước mới được trung ương giao vốn chiếm tỷ lệ thấp so với nhu cầu của Đề án; giá cả các loại nguyên vật liệu biến động tăng mạnh ảnh hưởng đến việc triển khai xây dựng CSHT thiết yếu và hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân, nhiều chỉ tiêu không thực hiện được, Đề án không đạt được mục tiêu theo quyết định phê duyệt.

3. Chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg

- Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan đã thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất xây dựng chính sách của tỉnh về hỗ trợ xăng xe đi lại và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho NCUT và chính sách hỗ trợ đặc thù NCUT, già làng tiêu biểu trong đồng bào DTTS và sinh viên người DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Bên cạnh ưu điểm, kết quả đạt được còn một số hạn chế, tồn tại như: Từ năm 2019-2021, việc lập dự toán nhu cầu kinh phí của tỉnh để thực hiện chính sách chưa đáp ứng yêu cầu nội dung Công văn số 7020/BTC-NSNN ngày 14/6/2018 của Bộ Tài chính; kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh chưa bảo đảm cho việc thanh toán cước phí phát hành các loại báo theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg do Bưu điện tỉnh thực hiện theo hợp đồng; việc chuyển phát báo của ngành Bưu điện đến NCUT còn chậm nhưng chưa có biện pháp khắc phục kịp thời.

4. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

a) Nguyên nhân khách quan

- Về Chương trình 135: Định mức vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp duy tu, bảo dưỡng trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Chương trình còn hạn chế so với nhu cầu, CSHT thiết yếu vùng đồng bào DTTS của tỉnh Bình Phước còn thiếu và chưa đồng bộ. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành còn chậm, chưa thống nhất.

- Về thực hiện Quyết định 2085/QĐ-TTg: Việc giao vốn từ ngân sách trung ương cho địa phương thực hiện Đề án theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg còn chưa kịp thời, kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các hộ còn ít so với nhu cầu của Đề án.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tham mưu, đề xuất của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy định, hướng dẫn, phân cấp, phân bổ vốn, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình 135 còn chưa đầy đủ, kịp thời. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có lúc, có nơi chưa thường xuyên.

- Một số cán bộ, công chức cấp xã trình độ năng lực còn hạn chế; chưa có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý, công việc đảm nhiệm, chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án đầu tư xây dựng, công tác đấu thầu.

5. Trách nhiệm

- Những hạn chế, tồn tại về công tác quản lý, thực hiện các Chương trình, chính sách, Đề án theo kết quả thanh tra trách nhiệm thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ trong việc: Tham mưu, đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ; quản lý, điều hành, trực tiếp thực hiện dự án, Đề án, chính sách; các cơ quan được giao hướng dẫn, tổng hợp kế hoạch, kiểm tra, thẩm định dự án; công tác cấp phát, theo dõi, kiểm tra, giám sát và việc thanh quyết toán nguồn vốn, kinh phí.

- Các Chủ đầu tư và nhà thầu xây lắp chịu trách nhiệm về hạn chế, thiếu sót liên quan đến việc tổ chức thi công, giám sát kỹ thuật, nghiệm thu và thanh toán khối lượng hoàn thành đối với các công trình xây dựng theo kết quả thanh tra.

II. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị xử lý về kinh tế

a) Kiến nghị UBND các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp

Chỉ đạo các Chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu xây lắp để thu hồi, nộp về Tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra Ủy ban Dân tộc số tài khoản 3949.0.905.4137 tại Kho bạc nhà nước quân Ba Đình, Hà Nội số tiền 96,420 tr.đ theo quyết định thu hồi tiền của Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc.

b) Kiến nghị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lộc Ninh

Giảm trừ thanh quyết toán 287,335,0 tr.đ đối với hạng mục công việc trộn đá tại bãi trữ vật liệu, máy đào $\leq 1,25\text{m}^3$ của công trình đường giao thông áp Tà Tê, xã Lộc Thành do lập và thẩm định sai dự toán.

(chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

2. Kiến nghị về hành chính

a) Kiến nghị Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Đề nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc chỉ đạo Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với các vụ, đơn vị liên quan kiểm tra, rà soát Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của Ủy ban Dân tộc về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc để xử lý theo hướng bãi bỏ 02 thủ tục hành chính về công nhận, đưa ra khỏi danh sách NCUT.

b) Kiến nghị UBND tỉnh Bình Phước

- Đề nghị UBND tỉnh Bình Phước thực hiện và chỉ đạo thực hiện:

1. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, vận hành và duy tu bảo dưỡng công trình theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc; ban hành quy định thực hiện cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

2. Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để chi cho công tác quản lý, hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện, UBND cấp xã trong việc triển khai, thực hiện các chương trình;

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị: Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh.

+ Về chính sách đối với người có uy tín: Giao Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm và giai đoạn đề nghị bố trí kinh phí từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện chính sách theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg.

+ Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức rút kinh nghiệm, chấn chỉnh về công tác quản lý và khắc phục kịp thời những hạn chế, tồn tại, thiếu sót liên quan đến việc thực hiện các chính sách, chương trình, Đề án theo kết luận thanh tra; Ban Dân tộc tỉnh và các sở ngành liên quan rút kinh nghiệm trong việc tham mưu ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình 135 và việc phân cấp giao chủ đầu tư dự án hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế, duy tu bảo dưỡng công trình giai đoạn 2016-2020.

c) Kiến nghị Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp theo Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kịp thời cho cán bộ, công chức cấp xã về công tác quản lý đầu tư xây dựng, quản lý dự án, nghiệp vụ công tác đầu thầu; tăng cường tổ chức tập huấn tại xã, cụm xã, huyện tạo thuận lợi cho việc đi lại của học viên, giảm tối đa chi phí.

- Thường xuyên kiểm tra, có biện pháp khắc phục kịp thời tình trạng chậm cấp phát các loại báo đài với NCUT.

d) Kiến nghị UBND các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập

- Chỉ đạo các Chủ đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành rà soát, thực hiện quyết toán các dự án xây dựng hoàn thành theo quy định; có biện pháp giải

quyết nợ đọng xây dựng cơ bản, bố trí vốn để tiếp tục thanh toán cho các đơn vị tham gia xây dựng công trình số tiền 958,406 tr.đ (*chi tiết tại Phụ lục số 02*).

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đấu thầu, quản lý đầu tư xây dựng dự án, thanh quyết toán nguồn vốn, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện giám sát cộng đồng; rà soát, kiện toàn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 và Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn căn cứ đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, thị trấn bảo đảm về kinh phí hoạt động giám sát của cộng đồng.

Thanh tra Ủy ban Dân tộc kết luận thanh tra việc thực hiện Chương trình 135 và một số chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc tại tỉnh Bình Phước, đề nghị UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo thực hiện và báo cáo kết quả gửi Ủy ban Dân tộc, đồng thời gửi Thanh tra Ủy ban Dân tộc trước ngày 30/4/2023./.

Noi nhận:

- Vụ III, Thanh tra Chính phủ;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; đ/e b/c;
- Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Y Thông;
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước;
- UBND các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập;
- Các vụ, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Chánh Thanh tra, các Phó Chánh thanh tra Ủy ban;
- Các Phòng Nghiệp vụ Thanh tra Ủy ban;
- Lưu: TTr, HSTTr.

CHÁNH THANH TRA



Võ Văn Bảy

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN MỘT SỐ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC



(Kèm theo Kết luận số 66/KLTTr ngày 06/02/2023 của Thanh tra UBND)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm trước chuyển sang	Kế hoạch giao trong năm	Sử dụng và quyết toán	Hủy dự toán, chuyển trả NS cấp trên	Chuyển nguồn, kéo dài sang năm sau	Ghi chú
I	2	3	4	5	6=4-5-7	7	8
I	CHƯƠNG TRÌNH 135 (từ năm 2019-2020)		56.907	53.861	711	2.335	
	NSTW		56.907	53.861	711		
	NSDP						
1	Vốn ĐTPT		42.148	39.813		2.335	
	NSTW		42.148	39.813		2.335	
	NSDP						
2	Hỗ trợ PTSX và nhân rộng mô hình giảm nghèo		10.273	10.198	75		
	NSTW		10.273	10.198			
	NSDP						
3	Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng		1.654	1.037	617		
	NSTW		1.654	1.037			
	Ban Dân tộc tỉnh						
	Khối huyện						
	NSDP						
4	Duy tu bão dường công trình		2.832	2.813	19		
	NSTW		2.832	2.813			
	NSDP						
5	Chi phí quản lý		-	-			
	NSTW		-	-			
	NSDP		-	-			
II	CHÍNH SÁCH THEO QĐ 2085/QĐ-TTG		67.931	67.834		-	
	Năm 2019-2021						
	NSTW		67.931	67.834		-	
	NSDP						
1	Hỗ trợ đất ồ, đất sân xuất, nước sinh hoạt phân tán		2.159	2.084		74,00	
	NSTW		2.159	2.084		74,00	
	NSDP						
2	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư cho hộ ĐBDTTs còn du canh du cư		65.773	65.773		-	
a	Vốn ĐPT		65.773	65.773		-	
	NSTW		65.773	65.773		-	
	NSDP						
b	Vốn sự nghiệp						
	NSTW		2.159	2.084			
	NSDP						
III	CS ĐÓI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐBDTTs THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/QĐ-TTG						
1	Từ năm 2019-2020		2.100	1.914			
2	Năm 2019		1.050	1.117			
2,1	NSTW						
	- Ban Dân tộc tỉnh						
	- Cấp huyện						
2,2	NSDP		1.050	1.117			
	- Ban Dân tộc tỉnh		1.050	1.117			

STT	Nội dung	Năm trước chuyển sang	Kế hoạch giao trong năm	Sử dụng và quyết toán	Hủy dự toán, chuyển trả NS cấp trên	Chuyển nguồn, kéo dài sang năm sau	Ghi chú
	- Cấp huyện						
	- Khối huyện						
3	Năm 2020		1.050	797			
3,1	NSTW						
	- Ban Dân tộc tỉnh						
	- Cấp huyện						
3,2	NSDP		1.050	797			
	- Ban Dân tộc tỉnh		1.050	797			
	- Cấp huyện						
	- Khối huyện						



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠI TỈNH BÌNH PHƯỚC TỪ NĂM 2019-2020

(Kèm theo Kết luận số. 66/KL-TTngày..... 06/02/2023 của Thanh tra Ủy ban Dân tộc)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Danh mục công trình	Tổng dự toán được phê duyệt	Tổng giá trị nghiệm thu hoàn thành	Giá trị thanh toán khôi lượng hoàn thành	Giá trị hợp đồng xây lắp thực hiện	Giá trị quyết toán công trình	Giá trị chưa thanh toán	Giá trị quyết toán, thu hồi nộp NSNN
A	CHƯƠNG TRÌNH 135	93.657.662	86.293.123	88.494.870	80.309.268	7.426.328	3.283.880	383.755
I	Huyện Lộc Ninh	21.987.695	21.011.316	20.641.783	18.174.179	1.529.648	369.533	53.504
1	Xây dựng móng kè, đường nhựa liên ấp Tân Lợi - Soor Rung (đoạn Bàng Xanh nối tiếp đường ĐT 756), xã Lộc Phú	2.317.155	2.267.242	2.248.605	2.003.000		18.637	8.806
2	Đường liên ấp Soor Rung, ấp Tân Hai đi trung tâm hành chính xã (đoạn điểm trường ấp Soor Rung đi đường liên xã), xã Lộc Phú	2.130.129	2.023.355	1.997.200	1.806.000		26.155	5.197
3	Xây dựng 10 phòng học lầu trường THCS Lộc Quang, xã Lộc Quang	5.219.412	4.990.180	4.896.764	4.452.651		93.416	11.259
4	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Lộc Quang, xã Lộc Quang	3.917.423	3.722.946	3.686.429	2.962.603		36.517	9.948
5	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Bình 2 đi ấp Tà Tê 1, Tà Tê 2, xã Lộc Thành	2.212.063	2.104.359	2.088.899	1.849.814		15.460	9.900

6	Đường GTNT áp Tà Tê 2, xã Lộc Thành	1.498.437	1.456.777	1.299.910	1.276.945		156.867	8.394
7	Xây dựng 04 phòng học lầu trường mẫu giáo tuổi thơ, xã Lộc Khánh	3.115.610	2.913.088	2.894.328	2.453.166		18.760	
8	Xây dựng mương thoát nước khu trung tâm áp Lộc Bình 1; muong nối tiếp khu trung tâm hành chính xã và muong khu trung tâm áp Tà Tê 1, xã Lộc Thành	1.577.466	1.533.369	1.529.648	1.370.000	1.529.648	3.721	
II	Huyện Bü Gia Mập	7.190.937	7.060.782	6.866.398	6.039.860	3.358.476	194.384	-
1	Láng nhựa đường GTNT thôn Đák Khâu (PV42 : đoạn 1 dài 1200m), xã Phú Văn	1.600.000	1.583.723	1.583.723	1.386.148	1.583.723	-	-
2	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT thôn 3 và thôn Thác Đài, xã Phú Văn	616.913	583.574	583.574	463.118	583.574	-	-
3	Xây dựng 04 phòng học lầu trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh, xã Đák O	2.456.024	2.407.922	2.407.922	2.017.500		-	
4	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Cây Xăng Ông Chu đến thôn Bü Nga, xã Bü Gia Mập	1.300.000	1.294.384	1.100.000	1.126.214		194.384	
5	Láng nhựa đường GTNT cuối thôn Bü Nga xã Bü Gia Mập	1.218.000	1.191.179	1.191.179	1.046.880	1.191.179	-	
III	Huyện Bü Đ López	22.147.030	20.243.195	19.848.706	17.639.841	2.538.204	394.489	42.916
1	Đường GTNT áp Sóc Né, xã Tân Tiến	2.044.125	1.946.561	1.835.668	1.755.089		110.893	19.954

2	Đường Xây dựng đường GTNT áp Sóc Nê - Tân Phước, xã Tân Tiến	3.579.861	3.480.732	3.444.199	3.072.068		36.533	5.021
3	Nâng cấp đường GTNT áp Mười Mẫu, xã Phước Thiện	1.063.583	913.155	905.944	761.833		7.211	
4	Xây dựng đường GTNT áp Điện Ânh, tô 1 khu vực vườn Mít áp Mười Mẫu, xã Phước Thiện	6.142.339	5.120.827	5.075.405	4.560.525		45.422	10.350
5	Nâng cấp đường GTNT áp Mười Mẫu, xã Phước Thiện	1.147.203	1.090.501	1.034.000	934.159		56.501	
6	Xây dựng cổng hàng rào, sân bê tông, nhà bao vệ trường tiểu học xã xã Hung Phước	2.814.715	2.538.204	2.538.204	2.229.800	2.538.204	-	7.591
7	Nâng cấp đường GTNT áp 4-5 xã Thanh Hòa	4.241.767	4.039.778	3.967.367	3.429.655		72.411	
8	Nâng cấp đường GTNT áp 2 xã Thanh Hòa	1.113.437	1.113.437	1.047.919	896.712		65.518	
IV	Ban Dân tộc	2.832.000	2.813.090	2.813.090	2.455.969	-	-	-
	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn 1 Đăng Lang, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng	1.446.000	1.436.315	1.436.315	1.260.417			
2	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT thôn 6, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	1.386.000	1.376.775	1.376.775	1.195.552			
B	QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG	39.500.000	35.164.740	38.324.893	35.999.419	-	2.325.474	287.335
1	Xây dựng đường giao thông áp Tà Tè, tại điểm định canh định cur Tà Tè, xã Lộc Thành	39.500.000	35.164.740	38.324.893	35.999.419		2.325.474	287.335